

Số: 1124/QĐ - CCB

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành kèm theo Quy chế Công tác Thi đua, khen thưởng
Hội Cựu chiến binh Việt Nam giai đoạn từ 2021 - 2026**

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG HỘI CCB VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-TW ngày 03/02/1990 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Công văn số 528/NC ngày 24/02/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc thành lập Hội CCB Việt Nam;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng,

Theo đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương Hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quy chế công tác Thi đua, khen thưởng của Hội Cựu chiến binh Việt Nam giai đoạn từ 2021 - 2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các tỉnh, thành Hội, cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội, Hội Cựu chiến binh các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương (Khối 487) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Thi đua- Khen thưởng TW (01);
- Hội CCB các tỉnh, thành (63b);
- Các Hội CCB Khối 487 (47b);
- Các CQ, đơn vị thuộc TW Hội (12);
- Lưu VT, TG; H (135b)

CHỦ TỊCH

Đã ký

Nguyễn Văn Được

QUY CHẾ

Công tác Thi đua, khen thưởng của Hội Cựu chiến binh Việt Nam giai đoạn từ 2021 - 2026

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1124 /QĐ -CCB ngày 12 tháng 11 năm 2021
của Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định đối tượng, phạm vi, nguyên tắc thi đua, khen thưởng; nội dung, hình thức tổ chức phong trào thi đua; tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định khen thưởng; trình tự thủ tục hồ sơ khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp Hội và cụm (khối) thi đua; quỹ thi đua, khen thưởng; hồ sơ, thủ tục, hủy bỏ quyết định khen thưởng; quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng; khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng; trách nhiệm và hiệu lực thi hành.

- Các nội dung về thi đua, khen thưởng không quy định tại quy chế này thì thực hiện theo Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cán bộ, hội viên, tổ chức Hội Cựu chiến binh các cấp; các tập thể, cá nhân trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài có thành tích xuất sắc xây dựng Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua

Tự nguyện, tự giác, công khai, dân chủ; đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Nguyên tắc khen thưởng

a) Chính xác, công khai, công bằng, dân chủ, kịp thời.

b) Xét tặng danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua, đăng ký thi đua. Không đăng ký thi đua sẽ không xét công nhận các danh hiệu thi đua.

c) Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng cá nhân trực tiếp, có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác. Thành tích đến đâu thì khen đến đó; một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng, không tặng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích; không nhất thiết phải có hình thức khen ở mức thấp mới đề nghị khen ở mức cao hơn.

d) Đảm bảo thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng.

e) Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.

f) Khen thưởng người đứng đầu tổ chức Hội, cơ quan, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó phụ trách. Trường hợp có nhiều cá nhân trong một tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ để xét khen thưởng.

g) Thời gian đề nghị khen thưởng lần tiếp theo được tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước. Cá nhân trong một năm chỉ đề nghị một hình thức khen thưởng cấp Nhà nước hoặc danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”.

h) Không xét khen thưởng đối với tập thể, cá nhân bị kỷ luật từ khiển trách trở lên trong kỳ phát động thi đua; tập thể có cá nhân bị kỷ luật (Đảng, chính quyền, đoàn thể...) từ cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong năm hoặc sơ kết, tổng kết giai đoạn tổ chức kỳ phát động thi đua, phong trào thi đua, cuộc vận động.

Chương II

HÌNH THỨC TỔ CHỨC THI ĐUA; CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, TIÊU CHUẨN THI ĐUA

Điều 4. Hình thức tổ chức; thẩm quyền phát động; sơ kết, tổng kết thi đua

1. Hình thức tổ chức thi đua

a) Thi đua thường xuyên

- Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức Hội các cấp. Nội dung thi đua được xác định toàn diện trên các mặt công tác của các cấp Hội.

- Đối tượng thi đua thường xuyên là cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một tổ chức Hội, cơ quan, đơn vị có cùng chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng.

- Nội dung thi đua: Phong trào thi đua “Cựu chiến binh gương mẫu” và các phong trào thi đua khác trong toàn Hội. Các cấp Hội, cơ quan, đơn vị phát động thi đua phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể để các tập thể ký giao ước thi đua và cá nhân đăng ký thi đua. Kết thúc năm công tác, các cấp Hội, cơ quan, đơn vị tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

- Đăng ký thi đua: Hằng năm, các cấp Hội, cơ quan, đơn vị, đăng ký thi đua thường xuyên với Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp Hội trước ngày 20/02 hàng năm.

- Thời gian bình xét, tặng các danh hiệu thi đua của các cấp Hội, cơ quan, đơn vị xong trước ngày (30/11).

b) Thi đua chuyên đề (theo đợt), thi đua đặc biệt

- Là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đợt xuất, cấp bách.

- Nội dung: Các cấp Hội, cơ quan, đơn vị phát động thi đua phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian hoàn thành.

- Thi đua chuyên đề được tổ chức trong phạm vi cấp tỉnh, thành Hội hoặc cơ quan, đơn vị. Khi tiến hành sơ kết, tổng kết phong trào, Thường trực tỉnh, thành Hội hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức trong phạm vi cả nước, Thường trực Hội đồng Thi đua- Khen thưởng Trung ương Hội có hướng dẫn riêng.

- Thời gian bình xét thi đua được tiến hành sau khi kết thúc đợt thi đua.

2. Thẩm quyền phát động và phạm vi tổ chức thi đua

a) Thường trực Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam tổ chức phát động thi đua trong toàn Hội.

b) Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh các cấp; thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức phát động thi đua trong phạm vi đơn vị mình.

3. Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua

a) Đối với phong trào thi đua dài ngày, phải tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm, điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ và các biện pháp thực hiện cho phù hợp nhằm đạt được mục tiêu thi đua đã đề ra.

b) Kết thúc phong trào thi đua phải tổng kết, đánh giá kết quả, tác dụng thi đua, lựa chọn công khai khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua. Tổ chức tuyên truyền phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm để học tập và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến.

c) Hằng năm, các tỉnh, thành Hội, các cơ quan, đơn vị tổng kết công tác thi đua, khen thưởng và gửi báo cáo về Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương Hội.

Điều 5. Các danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu “Cờ thi đua” của Ban chấp hành Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam tặng các tập thể có thành tích, như sau:

a) Hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; được suy tôn là tiêu biểu, xuất sắc nhất trong cụm (khối) thi đua hoặc trong các cấp Hội.

b) Có nhân tố mới, mô hình mới thật sự tiêu biểu để các tập thể khác trong cụm, khối học tập.

c) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh, tổ chức Hội vững mạnh tiêu biểu; không tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn khác.

2. Chỉ tiêu tặng “Cờ thi đua” hằng năm đối với Hội CCB các tỉnh, thành phố, các cơ quan Trung ương và đơn vị thuộc Trung ương Hội, như sau:

a) Cụm có từ 3 đến 5 thành viên được xét tặng 01 “Cờ thi đua”.

b) Cụm có từ 6 đến 9 thành viên được xét tặng 02 “Cờ thi đua”.

c) Cụm thi đua Hội CCB các cơ quan Trung ương (Khối 487) được xét tặng 01 “Cờ thi đua”.

d) Cụm thi đua khối các cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội được xét tặng 02 “Cờ thi đua”.

3. Chỉ tiêu tặng “Cờ thi đua” hằng năm đối với Hội Cựu chiến binh các quận, huyện, thị xã tiêu biểu, dẫn đầu cụm thi đua do các tỉnh, thành Hội tổ chức, mỗi cụm 01 “Cờ thi đua”.

4. Khen thưởng cho các tập thể xuất sắc, tiêu biểu trong các phong trào thi đua chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ hoặc Trung ương Hội phát động trong toàn quốc khi sơ kết, tổng kết 05 năm trở lên; tiêu chuẩn và chỉ tiêu thực hiện theo quy định pháp luật thi đua, khen thưởng và hướng dẫn của Trung ương Hội.

5. Đối với các danh hiệu thi đua khác:

Các danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; “Tập thể lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua của Chính phủ” thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật về công tác Thi đua, khen thưởng ban hành sau Quy chế này; hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp.

Chương III

HÌNH THỨC VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 6. Kỷ niệm chương Cựu chiến binh Việt Nam

Thực hiện theo Quy chế Tặng Kỷ niệm chương Cự chiến binh Việt Nam Ban hành kèm theo Quyết định số 1363/QĐ - CCB ngày 08/11/2006 của Ban chấp hành Trung ương Hội và Hướng dẫn số 42/HĐ - CCB ngày 25/02/2014 của Thường trực Trung ương Hội.

1. Đối với cán bộ, hội viên Cự chiến binh; cán bộ, nhân viên công tác ở cơ quan Hội các cấp: Hoàn thành tốt nhiệm vụ, không bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên, có thời gian công tác Hội cụ thể như sau:

a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội cấp cơ sở, Ủy viên BCH Hội cấp trên cơ sở (cấp huyện và tương đương) trở lên, có thời gian giữ chức vụ công tác Hội liên tục 5 năm trở lên.

b) Chi Hội trưởng, Ủy viên BCH Hội cấp cơ sở là đối tượng tham gia kháng chiến chống Mỹ có thời gian giữ chức vụ công tác Hội liên tục từ 5 năm trở lên.

c) Chi Hội trưởng, Ủy viên BCH Hội cấp cơ sở không thuộc đối tượng tham gia kháng chiến chống Mỹ có thời gian giữ chức vụ công tác Hội 5 năm liên tục và có thời gian vào Hội 10 năm trở lên.

d) Cán bộ chuyên trách công tác Hội ở quân, huyện, thị..., cơ quan tỉnh (thành) Hội, cơ quan Trung ương Hội là hội viên CCB có thời gian công tác liên tục 5 năm trở lên.

e) Hội viên Cự chiến binh tham gia kháng chiến chống Pháp (không tính thời gian vào Hội); hội viên Cự chiến binh tham gia kháng chiến chống Mỹ có thời gian vào Hội 10 năm trở lên; hội viên không thuộc hai đối tượng trên có thời gian vào Hội 15 năm trở lên.

f) Công chức, viên chức không phải là hội viên Cự chiến binh công tác ở cơ quan Hội Cự chiến binh các cấp có thời gian công tác liên tục 15 năm trở lên.

2. Đối với cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, cơ quan, tổ chức, đoàn thể liên quan: Tặng kỷ niệm chương cho các đồng chí có thành tích đóng góp trực tiếp trong quá trình xây dựng và hoạt động của Hội Cự chiến binh Việt Nam.

Điều 7. Bằng khen của Hội Cự chiến binh Việt Nam

1. Xét tặng Bằng khen cho tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào “Cự chiến binh gương mẫu” hằng năm, như sau:

a) Hội Cự chiến binh cấp tỉnh, thành phố do các cụm thi đua đề nghị; chỉ tiêu: Cụm có 3 đến 4 thành viên: 01 Bằng khen; Cụm có 5 đến 7 thành viên: 02 Bằng khen; Cụm có 8 đến 9 thành viên: 03 Bằng khen.

b) Hội Cự chiến binh cấp quận, huyện, thị xã do các tỉnh, thành Hội, các Cụm thi đua đề nghị; chỉ tiêu: Mỗi tỉnh, thành Hội ấn định 04 bằng khen, sau đó, cứ có 20.000 hội viên đề nghị thêm 01 bằng khen, nếu có số dư trên 10.000 hội viên được tính thêm

01 bằng khen. Số lượng hội viên căn cứ vào số liệu thống kê của Ban Tổ chức - Chính sách Trung ương Hội.

c) Hội Cựu chiến binh các cơ quan Trung ương (Khối 487); chỉ tiêu: 2 bằng khen/tổ chức hội; Hội Cựu chiến binh Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đề nghị 5 bằng khen.

d) Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội; chỉ tiêu: 03 bằng khen.

2. Xét tặng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua theo chuyên đề (theo đợt), thi đua đặc biệt, thi đua các cuộc vận động theo hướng dẫn riêng từng chuyên đề của Trung ương Hội.

3. Xét tặng cho các tập thể, cá nhân và gia đình Hội viên lập thành tích xuất sắc; có hành động dũng cảm, nghĩa cử cao đẹp; đóng góp về công sức, đất đai, tiền và tài sản cho địa phương, xã hội nêu gương cho Hội Cựu chiến binh các cấp học tập.

4. Xét tặng cho các tập thể thuộc các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội có thành tích xuất sắc trong thực hiện các chương trình phối hợp, quy chế phối hợp giữa Hội với bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương.

5. Xét tặng cho các đồng chí Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Hội nghị công tác Hội. Những trường hợp khác do Thường trực Trung ương Hội CCB Việt Nam xem xét quyết định.

Điều 8. Bằng khen của Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố

Đối tượng và tiêu chuẩn do Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh, thành phố quy định, bảo đảm phù hợp với pháp luật về thi đua, khen thưởng và quy định của Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam và cấp ủy chính quyền địa phương quy định.

Điều 9. Giấy khen của Hội Cựu chiến binh quận, huyện, thị xã

Điều kiện và tiêu chuẩn do Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh quận, huyện, thị xã quy định, bảo đảm phù hợp với pháp luật về thi đua, khen thưởng và quy định của Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam và cấp ủy chính quyền địa phương.

Điều 10. Các hình thức khen thưởng khác

Việc đề nghị xét tặng đối với tập thể và cá nhân thuộc Hội Cựu chiến binh Việt Nam Huân chương các loại, các hạng; các phần thưởng danh dự khác và Bằng khen của các ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương; Bằng khen (Giấy khen) của Ủy ban nhân dân các cấp, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật về

công tác Thi đua, khen thưởng ban hành sau Quy chế này; hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH; TRAO TẶNG; QUY TRÌNH, THỦ TỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 11. Thẩm quyền quyết định khen thưởng

1. Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam quyết định tặng danh hiệu “Cờ thi đua”, Bằng khen, Kỷ niệm chương Cựu chiến binh Việt Nam.
 2. Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố quyết định tặng Bằng khen của Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh, thành phố.
 3. Chủ tịch Hội Cựu chiến binh quận, huyện, thị xã quyết định tặng Giấy khen của Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh cấp quận, huyện, thị xã.
 4. Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã, phường, thị trấn tổ chức bình xét và đề nghị cấp trên tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với tổ chức Hội, hội viên thuộc phạm vi quản lý.
 5. Cấp chủ trì phát động thi đua theo đợt (chuyên đề), thi đua đặc biệt có thẩm quyền quyết định khen thưởng.
- Trường hợp thành tích đặc biệt xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng rộng trong toàn Hội thì đề nghị Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam tặng Bằng khen.
6. Người đứng đầu cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng của cấp mình và trình cấp trên khen thưởng; có trách nhiệm phát hiện, xây dựng điển hình tiên tiến là hội viên CCB, CQN và Cựu chiến binh là Doanh nhân.

Điều 12. Trao tặng

Cấp nào quyết định khen thưởng thì lãnh đạo cấp đó trực tiếp trao thưởng hoặc ủy quyền cấp dưới trao thưởng.

Điều 13. Quy định về khen thưởng bậc cao; khen thưởng Hiệp hội Doanh nhân Cựu chiến binh

1. Khen thưởng bậc cao

a) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ khen thưởng bậc cao (Huân chương các loại, các hạng; Cờ thi đua, Bằng khen của Chính phủ) đối với tập thể, hội viên Cựu chiến binh đạt được thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua và thành tích cống hiến.

b) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam hiệp y khen thưởng bậc cao (Huân chương các loại, các hạng; Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Chính phủ) đối

với tập thể, hội viên Cựu chiến binh do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trình Chính phủ, trên cơ sở ý kiến đề nghị của Ban Thi đua, khen thưởng Trung ương.

2. Khen thưởng đối với Hiệp hội Doanh nhân Cựu chiến binh.

Tập thể, hội viên thuộc Hiệp hội Doanh nhân Cựu chiến binh có thành tích xuất sắc trong phối hợp các phong trào thi đua đề nghị khen thưởng, hồ sơ theo quy định do Chủ tịch Hiệp hội Doanh nhân Cựu chiến binh các tỉnh, thành phố trình Chủ tịch Hiệp hội Doanh nhân Cựu chiến binh Trung ương. Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh, thành phố có ý kiến hiệp ý trước khi trình.

Điều 14. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu Cờ thi đua, Bằng khen của Ban chấp hành Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, gồm:

- a) Tờ trình đề nghị của cấp trình khen.
- b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen.
- c) Biên bản của Hội đồng Thi đua- Khen thưởng cấp trình.
- d) Đối với cá nhân có nghĩa vụ nộp ngân sách cho nhà nước thì nộp kèm theo các văn bản xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách của cơ quan thuế có thẩm quyền.
- e) Đối với những doanh nghiệp Cựu chiến binh có nghĩa vụ nộp ngân sách cho nhà nước, khi trình xét tặng danh hiệu thi đua cho doanh nghiệp và lãnh đạo doanh nghiệp phải có xác nhận của cơ quan thuế về những nội dung:
 - Xác nhận tiền thuế và các khoản thu phải nộp trong năm theo quy định của pháp luật.
 - Xác nhận đảm bảo vệ sinh, môi trường trong sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.
 - Các quyết định đã được khen thưởng hoặc các danh hiệu, hình thức khen thưởng đã được nhận (bản sao) để chứng minh tính liên tục trong hồ sơ khen thưởng.
- f) Văn bản (tờ trình, biên bản) đề nghị của cụm trưởng, khối trưởng thi đua. Khen tổng kết năm được sử dụng con dấu và chữ ký của đơn vị cụm trưởng, khối trưởng đề trình.

2. Hồ sơ đề nghị tặng Kỷ niệm chương Cựu chiến binh Việt Nam (theo hướng dẫn số 42/HD-CCB ngày 25/2/2014 của Thường trực Trung ương hội) gửi về Ban Tổ chức - Chính sách Trung ương Hội để tổng hợp trình Thường trực Trung ương Hội quyết định.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước đối với các tập thể, hội viên thực hiện các phong trào thi đua chuyên đề khi sơ kết, tổng kết..., Trung ương Hội có hướng dẫn cụ thể hằng năm.

4. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục hồ sơ rút gọn, gồm:

a) Tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong thực hiện nhiệm vụ, trong công tác, lao động, sản xuất, kinh doanh.

- Thành tích, công trạng rõ ràng.

b) Hồ sơ khen thưởng theo rút gọn gồm:

-Tờ trình của Thường trực Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh, thành phố hoặc Ban chấp hành Hội CCB Khối 487;

- Ban thành tích của tập thể, cá nhân do cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp quản lý báo cáo tóm tắt (ghi rõ hành động, thành tích xuất sắc, công trạng..) có xác nhận của cấp trình khen thưởng.

Điều 15. Thời gian báo cáo hồ sơ khen thưởng

1. Thời gian gửi hồ sơ đề nghị Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam khen thưởng:

a) Hồ sơ đề nghị khen thưởng tổng kết năm:

Các tỉnh, thành Hội, các cụm, khối thi đua gửi báo cáo đề nghị trước ngày 30 tháng 11 hằng năm. Đối với những năm Đại hội thi đua yêu nước và Đại hội nhiệm kỳ các cấp, Trung ương Hội có hướng dẫn cụ thể về khen thưởng và tặng Kỷ niệm chương Cựu chiến binh.

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng thi đua theo đợt (chuyên đề) thi đua đặc biệt có hướng dẫn riêng.

c) Hồ sơ đề nghị khen thưởng đột xuất gửi về Trung ương Hội ngay sau khi lập được thành tích đột xuất.

2. Thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc các cấp Hội do Thường trực Hội cấp đó quy định.

Chương V

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG VÀ CỤM THI ĐUA CÁC CẤP HỘI

Điều 16. Hội đồng Thi đua- Khen thưởng Hội cựu chiến binh các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương Hội, số lượng từ 11 đến 13 người, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

- Phó Chủ tịch Thường trực: Phó Chủ tịch Hội CCB Việt Nam phụ trách công tác Tuyên giáo.

- Phó Chủ tịch Hội đồng: Phó Chủ tịch Hội CCB Việt Nam.

- Ủy viên Thường trực: Trưởng Ban Tuyên giáo

- Các ủy viên, gồm: Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban: Tổ chức – Chính sách, Kinh tế, Tài chính, Kiểm tra, Pháp luật, Đối ngoại.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các tỉnh, thành Hội; số lượng từ 7 đến 9 người.

- Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Hội Cựu chiến binh.

- Phó Chủ tịch Hội đồng: Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh.

Các Ủy viên Hội đồng do Thường trực Hội quyết định.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Cựu chiến binh các quận, huyện, thị xã; số lượng từ 5 đến 7 người.

- Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Hội Cựu chiến binh

- Phó Chủ tịch Hội đồng: Phó Chủ tịch Hội.

- Các Ủy viên do Thường trực Hội quyết định.

Điều 17. Chức năng, nhiệm vụ; chế độ hội họp của Hội đồng

1. Chức năng: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Hội Cựu chiến binh là cơ quan tham mưu tư vấn cho Ban chấp hành Hội về công tác Thi đua, khen thưởng phong trào “Cựu chiến binh gương mẫu”; các phong trào thi đua khác.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất với Thường trực Hội về phương hướng, mục tiêu, nội dung, hình thức, chỉ tiêu, biện pháp tổ chức công tác thi đua, khen thưởng phong trào thi đua “Cựu chiến binh gương mẫu” và các phong trào thi đua khác đúng với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và mục đích hoạt động của Hội.

b) Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng phong trào thi đua “Cựu chiến binh gương mẫu” và các phong trào thi đua khác.

c) Định kỳ đánh giá tình hình, kết quả công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản chỉ đạo về công tác thi đua, khen thưởng.

d) Xét chọn các tập thể, hội viên có thành tích xuất sắc để tham mưu, tư vấn, xem xét, quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng theo quy định.

3. Chế độ hội họp

Hội đồng Thi đua- Khen thưởng mỗi năm họp 02 phiên họp thường kỳ, gồm:

a) Phiên họp vào cuối tháng 6 hằng năm để tiến hành sơ kết công tác thi đua, khen thưởng, phong trào thi đua “Cựu chiến binh gương mẫu” và các phong trào thi đua khác; hoạt động của Hội đồng 6 tháng đầu năm; đề xuất phương hướng, nhiệm

vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm; xem xét đề nghị khen cao Danh hiệu “Anh hùng Lao động”, Huân chương các loại, Bằng khen của Thủ tướng (nếu có).

b) Phiên họp vào tháng 12 hằng năm để tổng kết công tác thi đua, khen thưởng, phong trào “Cựu chiến binh gương mẫu” và hoạt động của Hội đồng; đề xuất phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong năm tiếp theo; xem xét đề nghị tặng thưởng “Cờ thi đua của Chính phủ” (nếu có), “Cờ thi đua”, Bằng khen của Trung ương Hội.

c) Ngoài các phiên họp thường kỳ. Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ của công tác thi đua, khen thưởng, Chủ tịch Hội đồng có thể triệu tập họp bất thường. Thời gian, địa điểm, nội dung họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng quyết định và thông báo cho các thành viên Hội đồng.

d) Thời gian, nội dung, tài liệu họp Hội đồng được thông báo trước **05** ngày để các thành viên Hội đồng nghiên cứu, chuẩn bị ý kiến phát biểu.

Điều 18. Cơ quan thường trực Hội đồng

1. Cơ quan thường trực

- Ban Tuyên giáo Trung ương Hội là Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua-Khen thưởng.

- Cơ quan đảm nhiệm công tác tuyên giáo ở các tỉnh, thành Hội là cơ quan thường trực Hội đồng.

- Đồng chí Phó Chủ tịch phụ trách công tác tuyên giáo là thủ trưởng cơ quan thường trực.

2. Nhiệm vụ của cơ quan thường trực

- Xây dựng chương trình công tác, kế hoạch hoạt động của Hội đồng, trình Chủ tịch Hội đồng ký ban hành; thông báo cho các thành viên Hội đồng.

- Chuẩn bị nội dung các phiên họp Hội đồng và làm công tác tổ chức trong các cuộc họp của Hội đồng.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả, phương hướng công tác thi đua, khen thưởng và phong trào thi đua trong toàn Hội; kết quả của các phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề được triển khai.

- Tham mưu cho Hội đồng về hình thức, mức khen các danh hiệu vinh dự Nhà nước, danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thường xuyên.

- Tổ chức triển khai thực hiện các kết luận của Chủ tịch Hội đồng; thường trực giải quyết các công việc của Hội đồng; thường xuyên thông báo các hoạt động của Hội đồng đến các thành viên Hội đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng yêu cầu.

Điều 19. Thư ký Hội đồng

1. Thư ký Hội đồng Thi đua- Khen thưởng do chuyên viên về công tác thi đua, khen thưởng hoặc chuyên viên làm công tác tuyên giáo đảm nhiệm.

2. Nhiệm vụ của thư ký Hội đồng:

- Giúp Cơ quan thường trực Hội đồng xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng.

- Tổng hợp, dự thảo báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả công tác Thi đua, khen thưởng và phong trào thi đua “Cụu chiến binh gương mẫu” hằng năm hoặc từng giai đoạn; dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, chỉ tiêu phong trào thi đua thời gian tiếp theo.

- Chuẩn bị nội dung, tài liệu và bảo đảm cho các cuộc họp của Hội đồng.

- Tổng hợp các ý kiến thành viên Hội đồng; soạn thảo, hoàn chỉnh các văn bản theo kết luận của Chủ tịch Hội đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên, đột xuất khác.

Điều 20. Cụm (khối) thi đua và nguyên tắc hoạt động

1. Cơ sở để thành lập cụm (khối) thi đua

Cụm (khối) thi đua được thành lập trên cơ sở các đơn vị có đặc điểm tương đồng về điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội, phong tục, tập quán và tâm lý vùng miền; thuận lợi giao thông đi lại để thường xuyên trao đổi, học tập kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua và kiểm tra kết quả công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị thành viên.

2. Tổ chức cụm, khối thi đua

a) Ban Chấp hành Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam quyết định thành lập cụm thi đua Cựu chiến binh các tỉnh, thành phố và Khối thi đua các cơ quan Trung ương.

b) Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh các tỉnh, thành phố quyết định thành lập cụm (khối) thi đua trong phạm vi tỉnh, thành Hội.

c) Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh các quận, huyện, thị xã quyết định thành lập cụm (khối) thi đua trong phạm vi quận, huyện Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động

a) Tập trung, dân chủ; bình đẳng; đoàn kết, hợp tác cùng phát triển.

b) Mỗi cụm (khối) thi đua do 01 đơn vị làm cụm (khối) trưởng, 01 đơn vị làm cụm (khối) phó và các thành viên.

c) Cụm (khối) trưởng và cụm (khối) phó được các thành viên trong cụm (khối) suy tôn. Hằng năm, đơn vị cụm (khối) trưởng và cụm, khối phó phải được luân phiên thay đổi theo nguyên tắc cụm (khối) phó năm trước phải làm cụm (khối) trưởng năm sau.

d) Cụm (khối) trưởng và cụm (khối) phó được sử dụng bộ máy, con dấu của đơn vị khi tổ chức và ban hành các văn bản phục vụ hoạt động của cụm (khối).

Điều 21. Nhiệm vụ của cụm (khối) thi đua và các đơn vị thành viên

1. Nhiệm vụ cụm (khối) thi đua

a) Tổ chức thi đua giữa các đơn vị trong cụm (khối); triển khai và tổ chức các phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị của các đơn vị thành viên trong cụm (khối).

b) Thường xuyên trao đổi, học tập kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua đi đôi với kiểm tra kết quả công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị thành viên.

c) Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả phong trào thi đua yêu nước và hoạt động của cụm (khối); bình xét, suy tôn các đơn vị thành viên trong cụm (khối) để trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị cụm (khối) trưởng

a) Xây dựng kế hoạch, tổ chức điều hành hoạt động của cụm (khối) thi đua.

b) Chủ trì phối hợp với các đơn vị thành viên trong cụm (khối) xây dựng, cụ thể hóa bảng chấm điểm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trong cụm (khối), bảo đảm phù hợp với nội dung, tiêu chí thi đua và khung điểm đã quy định.

c) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo với Thường trực Hội Cựu chiến binh và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và các đơn vị cùng cấp.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị cụm (khối) phó

a) Phối hợp với đơn vị cụm, khối trưởng xây dựng kế hoạch và tổ chức điều hành hoạt động của cụm, khối.

b) Điều hành giải quyết công việc trong cụm (khối) khi cụm (khối) trưởng ủy quyền.

c) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của một thành viên trong cụm (khối).

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thành viên trong cụm (khối).

a) Đăng ký các nội dung, chỉ tiêu thi đua hằng năm với đơn vị cụm (khối) trưởng và Hội đồng Thi đua- Khen thưởng.

b) Tham gia xây dựng các nội dung và tiêu chí thi đua, bảng chấm điểm của cụm (khối) thi đua. Thực hiện tốt các tiêu chí thi đua của cụm (khối) và nội dung đã ký giao ước thi đua. Tổ chức có hiệu quả phong trào thi đua và thực hiện tốt công tác khen thưởng tại cấp hội.

c) Xây dựng, phát triển, phổ biến, giới thiệu các mô hình, điển hình tiên tiến, cách làm mới có hiệu quả trong phong trào thi đua yêu nước.

d) Tham gia đầy đủ, đúng thành phần các hoạt động của cụm (khối) thi đua. Tự đánh giá, chấm điểm theo bảng chấm điểm thi đua của cụm (khối). Thực hiện

chế độ thông tin, báo cáo với cụm (khối) trưởng, các đơn vị thành viên và Hội đồng Thi đua- Khen thưởng.

e) Thực hiện nhiệm vụ do cụm, khối trưởng hoặc cụm (khối) phó khi được ủy quyền phân công.

Điều 22. Các chế độ hoạt động của cụm (khối) thi đua

1. Chế độ hội họp định kỳ

Cụm thi đua họp định kỳ 2 lần/năm. Ngoài 2 phiên họp định kỳ có thể họp đột xuất do cụm (khối) trưởng quyết định.

a) Họp sơ kết 6 tháng đầu năm

- Thời gian: Cuối tháng 6 (hoặc trước 10/7)

- Nội dung: Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu thi đua đã đăng ký và biện pháp thực hiện thi đua 6 tháng cuối năm; trao đổi kinh nghiệm tổ chức phong trào thi đua, biện pháp nhân rộng điển hình tiên tiến, những mô hình, nhân tố mới có hiệu quả trên các lĩnh vực của các đơn vị trong cụm (khối); giao lưu các điển hình tiên tiến; thống nhất tiêu chí chấm điểm.

b) Họp tổng kết năm thi đua

- Thời gian: Các cụm (khối) thi đua tổng kết xong trước ngày 20 tháng 11 hằng năm.

- Nội dung: Đánh giá kết quả công tác thi đua, khen thưởng của cụm (khối) và thi đua của các đơn vị thành viên trong năm thi đua; bình xét, suy tôn các đơn vị có thành tích đề nghị khen thưởng; bầu đơn vị cụm (khối) trưởng, cụm (khối) phó năm tiếp theo; thông qua kế hoạch hoạt động, phát động và ký kết giao ước thi đua các đơn vị thành viên.

2. Chế độ thông tin, báo cáo

a) Đối với đơn vị cụm (khối) trưởng, gửi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trên và các đơn vị thành viên, gồm:

- Bảng tổng hợp đăng ký thi đua của các đơn vị thành viên, kế hoạch hoạt động, bảng tiêu chí chấm điểm của cụm, khối trước ngày 01 tháng 3 hằng năm.

- Báo cáo sơ kết thi đua 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm của cụm trước ngày 30 tháng 6 (hoặc trước ngày hội nghị sơ kết).

- Bảng tổng hợp điểm từng tiêu chí thi đua của các đơn vị thành viên trong cụm (khối) do đơn vị thành viên tự chấm và đơn vị cụm (khối) trưởng thẩm định gửi trước ngày hội nghị đánh giá kết quả thi đua.

- Bảng tổng hợp kết quả chính thức chấm điểm thi đua của các đơn vị thành viên trong cụm (khối).

- Báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng năm thi đua, phương hướng, nhiệm vụ năm sau (trước 10 ngày tổng kết năm thi đua).

b) Đối với các đơn vị thành viên trong cụm, khối

- Bản đăng ký thi đua: Quý I của năm thi đua.
- Báo cáo sơ kết phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng 6 tháng đầu năm, (trước 10/6).
- Báo cáo tổng kết phong trào “Cựu chiến binh gương mẫu” và đề nghị khen thưởng năm thi đua, trước ngày 20/11.
- Bảng kết quả chấm điểm và tài liệu minh chứng kết quả từng chỉ tiêu thi đua (gửi đơn vị cụm (khối) trưởng).
- Các văn bản liên quan theo yêu cầu của HĐTĐKT cấp trên.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ

Điều 23. Nguồn kinh phí Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Theo quy định tại khoản 3, Điều 65, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng: Quỹ thi đua, khen thưởng của Hội Cựu chiến binh được cấp từ nguồn ngân sách Nhà nước và từ nguồn đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

a) Quỹ thi đua, khen thưởng của Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam do Bộ Tài chính phân bổ.

b) Quỹ thi đua, khen thưởng Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành do Ủy Ban nhân dân tỉnh, thành phố bảo đảm.

c) Quỹ thi đua, khen thưởng Hội Cựu chiến binh quận, huyện, thị xã do Ủy Ban nhân dân quận, huyện, thị xã bảo đảm.

d) Quỹ thi đua, khen thưởng Hội Cựu chiến binh xã, phường, thị trấn do Ủy Ban nhân dân xã, phường, thị trấn bảo đảm.

e) Quỹ thi đua, khen thưởng của Hội Cựu chiến binh Khối 487 do ban, bộ, ngành, đoàn thể trung ương phân bổ bảo đảm.

2. Kinh phí bảo đảm cho công tác khen thưởng sơ kết, tổng kết các cuộc vận động, các phong trào thi đua theo chuyên đề của các ngành, do các ngành, chủ trì lập dự toán trình cấp có thẩm quyền cấp.

Điều 24. Quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng

a) Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cấp đó quản lý và được lập, cấp phát, thanh quyết toán theo quy định hiện hành. Không phân cấp Quỹ thi đua khen thưởng xuống cấp dưới.

b) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cấp đó chịu trách nhiệm chi thưởng từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý.

c) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng; tiền thưởng do Trung ương Hội Cựu chiến binh đảm bảo.

2. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng.

a) Quỹ thi đua, khen thưởng được dùng để chi cho việc tổ chức các phong trào thi đua, công tác thi đua, khen thưởng và chi thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

b) Chi cho in ấn, làm hiện vật khen thưởng (giấy chứng nhận, bằng khen, kỷ niệm chương, huy hiệu, thêu cờ thi đua, khung bằng);

c) Chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua (không quá 10% tổng Quỹ), gồm:

Tổ chức lễ phát động thi đua; xây dựng, nhân điển hình tiên tiến; sơ kết, tổng kết, tuyên truyền phổ biến, rút kinh nghiệm; tổ chức Đại hội thi đua yêu nước; bảo đảm các hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

Chương VII

QUYỀN, NGHĨA VỤ, CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ; KIỂM TRA, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 25. Quyền của cá nhân, tập thể về thi đua, khen thưởng

1. Được tham gia các phong trào thi đua do Nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

2. Được đề nghị xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật.

3. Có quyền góp ý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể có đủ thành tích và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

4. Đề nghị cấp có thẩm quyền không xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng, thu hồi các danh hiệu, hình thức khen thưởng đã được tặng hoặc khen thưởng không đúng tiêu chuẩn, không đúng thủ tục do pháp luật quy định.

Điều 26. Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể về thi đua, khen thưởng

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng.

2. Không góp ý mang tính xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân, tập thể được dự kiến xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng hoặc đã được tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng.

3. Từ chối nhận danh hiệu hoặc hình thức khen thưởng không xứng đáng với thành tích và không đúng tiêu chuẩn, thủ tục do pháp luật quy định.

Điều 27. Kiểm tra, xử lý vi phạm về thi đua, khen thưởng

1. Kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp có trách nhiệm tham mưu cho Ban Thường vụ Hội và phối hợp với Ban kiểm tra cùng cấp tiến hành kiểm tra, giám

sát công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi quản lý, việc thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng và các điều khoản của quy định này; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp thực hiện các quy định về thi đua, khen thưởng.

b) Thường trực Hội Cựu chiến binh, thủ trưởng cơ quan, đơn vị các cấp có trách nhiệm kiểm tra công tác thi đua khen thưởng trong phạm vi cấp mình.

2. Xử lý vi phạm; hồ sơ hủy bỏ quyết định

a) Xử lý vi phạm:

- Tập thể, cá nhân vi phạm các quy định về khen thưởng thì theo mức độ sai phạm bị xử lý theo quy định của Điều lệ Hội và pháp luật về thi đua, khen thưởng: Hủy quyết định khen thưởng, thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận.

- Cá nhân xác nhận sai sự thật hoặc làm giả hồ sơ giấy tờ cho người khác đề nghị khen thưởng; người lợi dụng chức vụ quyền hạn quyết định khen thưởng trái pháp luật hoặc quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về Thi đua, khen thưởng.

- Cấp nào quyết định khen thưởng thì cấp đó thu hồi, hủy bỏ quyết định khen thưởng.

b) Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định khen thưởng.

- Tờ trình của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng; Báo cáo tóm tắt lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định khen thưởng.

- Sau khi có quyết định, cơ quan trình khen thưởng thu hồi hiện vật khen thưởng giao nộp về cơ quan làm công tác thi đua khen thưởng cùng cấp; số tiền nộp vào Quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 28. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Hội viên và tổ chức Hội có quyền khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng, pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định của Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng, pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định của Điều lệ Hội CCB.

3. Thường trực Hội đồng Thi đua- Khen thưởng phối hợp với Ban kiểm tra cùng cấp tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của Điều lệ Hội, pháp luật về thi đua, khen thưởng và pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VIII

TRÁCH NHIỆM VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

1. Hội Cựu chiến binh các tỉnh, thành phố, các cơ quan Trung ương, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Hội Cựu chiến binh các cấp có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các điều khoản của Quy chế này. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phản ánh về Thường trực Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam (qua Ban Tuyên giáo).

2. Ban Tuyên giáo - Cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Trung ương Hội có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy định này.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quy chế này thay thế Quyết định số 644/QĐ-CCB ngày 13/7/2015 ban hành kèm theo Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của Hội Cựu chiến binh Việt Nam giai đoạn 2015-2020./.

Nơi nhận:

- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương
- Hội CCB các tỉnh, thành phố (63)
- Hội CCB các CQ Trung ương (47);
- Cơ quan, đơn vị thuộc TW Hội (10)
- Lưu VT, Ban Tuyên giáo (H...130)

**TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Được